

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 28-01-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cao.
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Em - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2020/TLST-DS, ngày 15/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng Giám đốc Ngân hàng A. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn T – Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh số 1 (theo văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27 tháng 12 năm 2019). Địa chỉ chi nhánh: Số 85 Quang Trung, Khóm A, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Văn T: Ông Nguyễn Minh P (Theo văn bản ủy quyền số: 55/GUQ-NHNoCN1, ngày 27 tháng 01 năm 2021) (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Thạch N, sinh năm 1960 (Vắng mặt).
2. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm C, Phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh P trình bày: Ngày 22/7/2016, Ngân hàng A và ông Thạch N ký kết Hợp đồng tín dụng số: 429/HĐTD. Số tiền vay là 50.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền là ngày 20/7/2017. Mục đích ông N vay là chăn nuôi, mua bán. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Thạch N nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nhận nợ kèm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 23/01/2017. Dư nợ hiện tại là 50.000.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 28/01/2021 là 31.719.366 đồng. Trong quá trình vay vốn thì ông Thạch N đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả gốc và lãi đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ đến làm việc với ông N nhưng ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch N và bà Thạch Thị H có trách nhiệm trả vốn gốc và lãi với số tiền 81.719.336 đồng. Trong đó: Vốn gốc là: 50.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/01/2021 là 31.719.336 đồng. Ngoài ra, ông Thạch N, bà Thạch Thị H còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

- Đồng bị đơn ông Thạch N, bà Thạch Thị H vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Thạch N, bà Thạch Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng ông N, bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Thạch N, bà Thạch Thị H.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, các đương sự tranh chấp hợp đồng vay nên được thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bị đơn ông Thạch N và bà Thạch Thị H có trách nhiệm trả vốn gốc và lãi với số tiền 81.719.336 đồng. Trong đó: Vốn gốc là: 50.000.000 đồng và lãi phát

sinh tạm tính đến ngày 28/01/2021 là 31.719.336 đồng (Lãi trong hạn là 21.393.750 đồng; lãi quá hạn là 10.325.616 đồng). Ngoài ra, ông Thạch N, bà Thạch Thị H còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

[2.1] Về nợ gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 429/HĐTD ngày 22/7/2016 được ký kết giữa Ngân hàng A với ông Thạch N và giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 21/7/2016 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường D, việc vay vốn của ông N, bà H để phục vụ nhu cầu kinh doanh mua bán và chăn nuôi của gia đình. Ông N, bà H thống nhất cùng ký tên vào giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 21/7/2016, do đó khi Ngân hàng A ký kết Hợp đồng tín dụng số: 429/HĐTD ngày 22/7/2016 mặc dù chỉ có ông N đại diện hộ gia đình nhưng ông N và bà H phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A với ông Thạch N được ký kết là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Thạch N nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 23/01/2017. Quá trình vay vốn thì ông Thạch N đã vi phạm Điều 7 Hợp đồng tín dụng số: 429/HĐTD ngày 22/7/2016, cụ thể ông Thạch N không trả vốn gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở cũng như đã làm việc với ông N nhưng ông Thạch N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Dư nợ hiện tại là 50.000.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Thạch N, bà Thạch Thị H trả vốn gốc với số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi: Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số: 429/HĐTD ngày 22/7/2016 và nội dung giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 23/01/2017, thể hiện: Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 10,50%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150%. Lãi suất cho vay, nợ quá hạn do các thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Quá trình vay vốn ông N, bà H vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng nên việc Ngân hàng yêu cầu ông Thạch N, bà Thạch Thị H trả nợ lãi tạm tính đến ngày 28/01/2021 là 31.719.336 đồng và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với việc ông Thạch N, bà Thạch Thị H, đã bỏ địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xác minh tại Công an Phường 9 thì được biết ông N, bà H không còn ở địa phương [BL 26]. Tòa án nhân dân thành phố T thực hiện việc thông báo cho ông N, bà H biết về sự việc Ngân hàng khởi kiện ông, bà nhưng ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng, coi như ông N, bà H từ bỏ nghĩa vụ chứng minh đối với yêu cầu của người khởi kiện theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Thạch N và bà Thạch Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bị đơn ông Thạch N, bà Thạch Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền vốn gốc và lãi là 81.719.336 đồng. Trong đó: Vốn gốc là: 50.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/01/2021 là 31.719.336 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Thạch N và bà Thạch Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 429/HĐTD ngày 22/7/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 429/HĐTD ngày 22/7/2016 các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Thạch N và bà Thạch Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.085.966 đồng (*Bốn triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng*).

2.2. Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 1.920.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0003821 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thơ